

Thượng Sanh Cờ Cứu Thế và Ban Thế Đạo Hải Ngoại QS TS Nguyễn Thanh Bình

Nhan Uyên Kỳ là lá cờ của Thầy Nhan Hồi tự là Nhan Uyên, học trò thứ nhứt của Đức Không Tử. Ông là người cần mẫn, thức khuya dậy sớm, học Kinh Thi, chuộng kinh Lễ, làm việc gì không làm lỗi hai lần, nói điều gì không cầu thả. Không Tử khen là người có nhân. Nhưng cuộc đời ông chỉ sống đến 31 tuổi thì mất. Sử ký của Tư Mã Thiên viết về Nhan Hồi như sau:

“Trong 70 môn đồ, Trọng Ni chỉ khen riêng Nhan Hồi hiếu học, mà Nhan Hồi thường xác xơ, ăn hăm hút mà cũng không được no, lại chết yếu. Trời kia báo đáp người thiện mà như vậy ư?”.

Thật ra thì cờ Nhan Uyên không có, chỉ có trong lý thuyết mà thôi. Một hôm trước hàng Môn đệ, Đức Không Tử đưa ra một đề tài để thảo luận. Giả thiết rằng trong nước có loạn thì làm cách nào để trị loạn hay nhất? Trong hàng Môn đệ người trả lời cách này, kẻ trả lời cách kia. Chỉ có Nhan Hồi là đưa ra ý kiến: “Làm một Cây Cờ Trắng xông vào chốn ba quân, kêu gọi hai tiếng trách nhiệm chấm dứt đổ máu”.

Ý kiến đó được Đức Không Tử cho là kế hay hơn cả. Kết luận câu chuyện của Đức Hộ Pháp nói với ông Đinh Công Trứ, Cai Quản trường Qui Thiện là: “Mấy em nếu có chí can đảm đến Thái Bình Dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kia. Dầu cho Thượng Sanh chừng đó có can đảm đến đó sẽ gặp. Bằng chẳng vậy, cây **Cờ Cứu Thế** của Thượng Sanh về tay kẻ khác hay là Qua sẽ đến giữa trận giặc toàn cầu thứ ba”.

Trong câu chuyện của Đức Hộ Pháp nói với ông Đinh Công Trứ, Cai Quản trường Qui Thiện ngày 12/8 Đinh Hợi (1947) như sau: “Nhan Hồi buổi nọ cố công thật hành lý thuyết bình đẳng nhân loại, tránh nạn tương tàn tương sát nòi giống, nhưng rốt cuộc chưa làm được thì chết”.

Ngài lại nói tiếp:

“Em biết Cây Cờ Trắng trưng nó lên để làm gì? Biểu hiện ấy có phải để cứu nhân loài không? Chỉ một ngày kia, Thượng Sanh ra mặt Đòi là cây **Cờ Cứu Thế**, còn Thượng Phẩm cây **Cờ Cứu Khổ**. Qua đã thay cho Thượng Phẩm gậy dựng đào tạo. Thầy trò ta đã chung chịu cực khổ, từ khoảng rừng xanh ít người lai vãng. Mà buổi nọ Qua vắng mặt, em đi ngược Thánh ý của Qua”. (Xin đọc thêm phần ghi chú Ông Đinh Công Trứ bên dưới).

“Cây Cờ Trắng dùng để khi nước nhà nòi giống ta xô xát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là giá trị của nó. Ngày giờ nào có kẻ thất thế, yếu cô, rách rưới, lang thang, đói cơm, khát nước, khổ não tâm hồn của nòi giống, không ai bình vực che chở. Chừng ấy nhiệm vụ trọng yếu của Thầy trò ta phải ra gánh vác. Đó là **Cờ Cứu Khổ** thực hiện”.

Là Cờ Màu trắng đây chính là biểu tượng mang ý nghĩa đầu hàng. Các nhà sử học cho rằng chiếc cờ trắng dễ gây sự chú ý bởi màu sắc phân biệt trên chiến trường. Sau này, chúng dần trở nên phổ biến hơn ở phương Tây, cờ hiệu màu trắng đã được sử dụng rộng rãi để chỉ ý định đầu hàng trong thời Trung cổ ở Tây Âu. Màu trắng từ lâu đã gắn liền với cái chết và tang tóc ở Trung Quốc, vì vậy những người lính Trung Hoa có thể dùng cờ đầu hàng màu trắng để tỏ sự buồn bã khi thất trận. Dần dần lá cờ trắng đã trở thành một biểu tượng được quốc tế công nhận không chỉ cho việc đầu hàng mà còn cho mong muốn bắt đầu ngừng bắn trên chiến trường.

Những lời nói của Đức Hộ Pháp với ông Đinh Công Trứ làm chúng ta giật mình, suy ngẫm. Chúng ta không thể ngờ đây là sự việc đang xảy ra và vai trò trách nhiệm thiêng liêng vô cùng “huyền diệu” của Ban Thế Đạo ở hải ngoại. Như Đức Hộ Pháp đã nói bên trên:

“Mấy em nếu có chí can đảm đến Thái Bình Dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kìa. Dầu cho Thượng Sanh chừng đó có can đảm đến đó sẽ gặp. Bằng chẳng vậy, cây **Cờ Cứu Thế** của Thượng Sanh về tay kẻ khác hay là Qua sẽ đến giữa trận giặc toàn cầu thứ ba”. Thượng-Sanh có sứ mạng tạo Thế và chuyển Thế.

Thế-pháp của Đại-Đạo đâu đâu cũng thấy sự hoà-hiệp một cách khít-khao, do vậy mà thế-pháp đã hiện hình bí-pháp làm chơn-truyền để phổ-thông nền chơn-đạo của Chí-Tôn trong buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ. Hòa là sự hỗn-hợp của âm dương, đến mức độ quân-bình nhau, gọi là “âm dương tương-hiệp”. “Theo bí-pháp chơn-truyền của cơ sanh hoá phải có đủ âm-dương. Nền Tôn-giáo nào có đủ âm-dương thì mới vĩnh-cửu”.

Trong “Bí Pháp Cao Đài”, Đức Hộ-Pháp có nói: “Chỉ Qua biết phận sự của Qua là Đại-Từ-Phụ (Đức Chí-Tôn) giao phó với một lời yếu thiết như thế này:

- “Tất,

đời quá khổ chẳng phải khổ về xác thịt mà thôi, mà lại khổ đến tinh thần nữa, nạn của Nhơn loại tương tàn tương sát sắp đến. Thầy giao cho con một cây **Cờ Cứu Khổ**, chẳng phải cứu khổ tinh thần mà thôi, lại lẫn cả thể xác nữa. Trọng hệ hơn hết là điều ấy Thầy giao phó cho con, nhưng mà con phải hiểu:

Có khổ về tinh thần mới biến sanh ra khổ của thể xác.

Thầy nói rõ Thầy giao cho một gánh Đạo (**Cờ Cứu Khổ**) và Đời (**Cờ Cứu Thế**)”.

Thực sự ra Bản Đạo xin thú thật, gánh của Đạo chẳng hề khi nào làm cho Bản-Đạo khùng khiếp. Duy có gánh của Đời, Ngài giao phó nó nặng nề hơn hết...” (Bí Pháp Cao Đài).

Bí-quyết của Đạo Cao-Đài là luôn luôn có quyền “Thiên-Thượng và Thiên-Hạ” tức là quyền Chí-linh và Vạn-linh hiệp một. Thánh-ý Đức Chí-Tôn muốn để con cái của Ngài tự lập Luật, tùy theo sức khép mình vào con đường tu-luyện để khỏi than rằng Luật quá mắc mỏ rồi không đoạt thành phẩm-vị sanh ra chán nản, hoặc viện lẽ rằng quá rẻ mà sanh dạ dễ-duôi.

Thượng Sanh là ai?

Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, nhơn loại hữu sanh tức là chúng sanh.

Trong chúng sanh có nguyên sanh và hóa sanh. Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có. Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra. Tỉ như Nguyên nhân là khi khai Thiên rồi thì đã có các chơn linh ấy. Còn Hóa nhân là chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị nhơn loại. Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh. Lập Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy (Đức Chí Tôn) đem các chơn linh, đầu nguyên sanh hay hóa sanh lên phẩm vị nhơn loại mới trọn nghĩa câu phổ độ.

Chơn linh các Nguyên nhân bị đọa trần hay là của Hóa nhân thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi. Ấy là Thế độ, nên Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo (Thế Pháp và Bí Pháp), nắm Thế Luật nơi tay mà diu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Ai làm cho cản bước đường tu của thế gian thì Thượng Sanh đặng quyền kiện cùng Tòa Thánh. Chư Chức sắc phạm luật làm cho chúng sanh phải xa lánh Đạo thì người có quyền xin trị tội tức thì. Thượng Sanh là chủ phòng Cáo Luật.

Dưới quyền người có bốn vị Thời Quân: Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế và Tiếp Thế (bốn vị Thời Quân chi Thế đặng cùng quyền cùng Thượng Sanh, khi người ban lệnh hành chánh; song mỗi vị có mỗi phận sự riêng).



Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang

Pháp Chánh Truyền dạy “Thượng Sanh thì lo về phân Đòi. Do đó mỗi sự chi thuộc về Đòi thì về quyền của Thượng Sanh”.

Thượng Sanh là Cây Cờ của Thế, tức là Đòi, ấy vậy Đòi nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó. Người có quyền xem xét kẻ hành đạo coi Thánh Đức có đặc nhọn tâm cùng chẳng, nhược bằng kẻ ấy thế Đạo không đủ tư cách, thì người có quyền dâng sớ cầu xin thuyên bố. Thượng Sanh đối quyền với Chương Pháp bên Cửu Trùng Đài. Hiệp Thiên Đài là luật lệ, mà Thượng Sanh lại là Chánh Trị, ấy vậy là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài.

Thượng sanh lo về phần Đòi là người thay mặt Hộ pháp chương quản chi Thế có nhiệm vụ kiểm soát nhân phẩm cung cách hành đạo của chức sắc, và dìu dắt, độ rỗi nhơn sanh vào Đạo.

Thượng Sanh và Thư Hùng Kiếm

Trong Đạo Cao Đài, Đức Cao Thượng Sanh sử dụng Thư Hùng Kiếm là Bửu pháp của Ngài trong sứ mạng tạo Đòi và chuyển Thế.

Ngài Phạm Khai Đạo nói về Thư Hùng Kiếm: “Khi Đức Thượng Sanh mới về hành Đạo (15-4-Đinh Dậu), tôi chưa kính sợ cho lắm. Đến khi trấn thần Thư Hùng Kiếm rồi, Đức Ngài ra “Rừng Thiên Nhiên” thử Kiếm báu, thấy rõ sự huyền diệu của Bửu Kiếm, từ đó tôi bắt đầu kính phục vô cùng”.

Đây là Kiếm Trần Pháp, làm bằng cây dâu gần 100 năm ở làng Thanh Điền (Tây Ninh) dâng hiến, mà còn biến hóa huyền bí đến thế. Vậy Bửu Kiếm Thư Hùng nơi Thiêng Liêng còn huyền diệu thế nào nữa...

Bửu Kiếm Thư Hùng là Bửu Pháp của Lữ Đồng Tân (Thuần Dương Lữ Tổ).

Bài thơ sau đây cũng nói lên được ngươn linh của Đức Thượng Sanh là Lữ-Đồng-Tân, một vị Tiên trong Bát Tiên. Ngày nay Ngài được Đức Chí Tôn ban cho phẩm Thượng Sanh là đứng đầu của nhơn sanh, tức nhiên chủ quyền Đòi, xem như bậc Vương Đế. Ngày xưa Ngài cũng mộng Đế Vương, nhưng nay mới là Đế Vương thật sự. Đức Hộ-Pháp có lời tiên tri qua bài thi sau đây:

*Bài thơ này đặc biệt nhất là hai câu cuối.
Cao-Đài khai hội tại Tây trường,
Cải cựu hoán tân chế Lệ Thương.
Qui chánh cải Tà hườn miếu võ.
Tòng chơn khứ giả định phong cương.
Hồng Môn thử nhất tri thành bại,
Xích-Bích kim triêu biện nhược cường.
**Phụng tấn Long hồi hườn Nhất thổ.
Lập cân hiển hiện buổi Huỳnh Lương.***

Bài này là một trong số nhiều bài thơ của Đức Hộ Pháp. Ngoài lời tiên tri về vấn đề thời cuộc qua các điển xưa tích cũ làm dẫn chứng cho sự việc ngày nay, người viết không đủ

khả năng bàn luận thêm. Duy chỉ hai câu cuối là dùng lối chữ Hán chiết tự cũng rất là lý thú nên xin ghi lại để hiến cho chư độc giả:

Câu “Phụng tân Long hồi hườn Nhứt thổ”:

Phụng là loài điều, trong Dịch chỉ thời gian là tháng, năm Dậu.

Long là chỉ vì Vua: người đứng đầu một quốc gia, một lãnh thổ.

Hườn là hiệp lại.

Nhứt 一 và *Thổ* 土 đặt lên nhau thành ra chữ **VƯƠNG 王**

Câu “Lập cân hiển hiện buổi Huỳnh Lương” (câu cuối):

Lập 立 là đứng, ở trên, **cân 巾** là cái khăn, ở dưới. Hai chữ này đặt lên nhau thành chữ Đế 帝 (có nghĩa là đứng mà đội khăn, chỉ Đạo phục của Đức Thượng Sanh có hình ảnh này mà thôi). Như vậy cả hai chữ mới tìm thấy đọc thành **VƯƠNG ĐẾ** nghĩa là có Vua Trời.

Hình ảnh người đứng trên Ngai mà đội khăn đây là Đức Thượng Sanh khi mặc phẩm phục thì Ngài đội khăn, gọi là “bao tải xanh” là hình ảnh của Vua Trời đó vậy.

Câu Tỉnh Huỳnh Lương là nhắc lại câu chuyện về tiền kiếp của Ngài, khi Ngài được Đại Tiên đến độ Ngài qua giấc chiêm bao, Ngài thấy toàn mộng công hầu khanh tướng, vợ đẹp con xinh rồi lại bị vỡ mộng. Thời gian ấy chỉ trong thoáng chốc; khi ấy thì chủ quán nấu nồi kê chưa chín, nên cuộc đời giả tạm như giấc “mộng Huỳnh Lương”. Ngài nắm phần Thế Độ.

Thượng Sanh Cờ Cứu Thế và Màu Trắng Đạo Cao Đài

Rồng Màu Trắng Tượng Trưng Cho Tam Kỳ Phổ Độ. Trong Đền Thánh có tất cả 28 cột rồng. Đức Chí Tôn cười rồng tuần du. Rồng tượng trưng cho sự biến hóa. Đó là ý nghĩa tượng trưng và thay thế cho “Nhị Thập Bát Tú” tức các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật châu Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh.

Các con Rồng trong Đền Thánh được sơn đủ các màu sắc (Xanh, Đỏ, Vàng và Trắng) còn có ý nghĩa tượng trưng đủ 3 thời kỳ phổ độ chúng sanh. Rồng màu Trắng nơi Bát Quái Đài tượng trưng cho Bạch Dương Đại Hội trong Tam Kỳ Phổ Độ, do Đức Di Lạc Khai Hội Long Hoa. Bạch Dương Đại Hội, mục đích cũng phán đoán tội lỗi chúng sanh như Nhứt kỳ và Nhị kỳ phổ độ. Còn tượng cột hình Rồng sơn Vàng chung quanh Bát Quái Đài là ý nghĩa tượng trưng và thay thế chư Phật chứng Hội Long Hoa (giải ý nghĩa Hội Long Hoa ở bài viết khác).

Trong Tam Kỳ Phổ Độ Đức Di Lạc làm chủ đìem Đạo nên Rồng Trắng ở tại Bát Quái Đài, ấy là chánh thời kỳ của Sắc Trắng (Đạo Phục Bạch Y, Áo Dài Trắng).



*Rồng màu Trắng nơi Bát Quái Đài tượng trưng cho
Bạch Dương Đại Hội trong Tam Kỳ Phổ Độ*

Màu trắng là “Màu của Tình-Thương”. Màu trắng là màu tượng trưng cho tình yêu thương, cho sự thanh khiết, thanh cao trong sạch, sự ngây-thơ không chút bợn-nhơ của trẻ thơ. Màu trắng tượng-trung cho con người đạo-đức hiền-lương không làm gì tội lỗi. Màu trắng còn là màu tổng-hợp của bảy màu trong sắc cầu vồng, đó là màu Đại-đồng, mục-đích của Đạo Cao-Đài là phải thực hiện ra cho đến Đại-Đồng Thế-Giới. Có đó rồi không có. Màu trắng biến thành bảy màu, rồi trở lại màu trắng, tức là “Sắc Sắc Không Không, Hư Hư Thiệt Thiệt”. Màu Trắng là không màu, vậy Đạo tức là “Vô”.

Người tín-đồ Cao-Đài-Giáo mặc áo dài trắng là nói lên cái “Vô của Đạo, vì Đạo chính là Vô”. Nói cách khác “Màu Trắng thể-hiện cái Đạo”. Do đó màu trắng có ý nghĩa rất sâu-xa và còn có thể nói là rất “huyền-diệu” trong Đạo Cao Đài. Như Đức Hộ Pháp đã nói với ông Đinh Công Trứ

“Em biết cây Cờ Trắng trưng nó lên để làm gì? Biểu hiện ấy có phải để cứu nhân loại không?. Chỉ một ngày kia, Thượng Sanh ra mặt Đồi là cây Cờ Cứu Thế...” và ... “Cây Cờ Trắng dùng để khi nước nhà nời giống ta xô xát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là giá trị của nó.” Thượng-Sanh có sứ mạng tạo Thế và chuyển Thế.

Cao Đài là một Tôn Giáo Đại Đồng. Tôn chỉ của Đạo Cao Đài là “Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Hiệp Nhất. Triết Lý Cao Đài “Nhứt Bản Tán Vạn Thù” và “Vạn Thù Quy Nhứt Bản”.

Đạo Cao Đài chủ trương “Vạn Giáo Nhất Lý”: tất cả các tôn giáo đều cùng một chân lý, tất cả tôn giáo đều từ một gốc mà ra và tuy có khác nhau về hình tướng nhưng cái chân lý cùng đều giống nhau, cùng chung một mục đích cứu rỗi nhân loại.

Khi mặc áo dài trắng, người tín-đồ Cao-Đài tâm niệm phải nên hiểu là mình đang mang trong người không biết bao nhiêu ý nghĩa sâu-xa của Đạo của mình mà Đức Chí-Tôn đã kín-đáo gói vào đó. Chúng ta phải hiểu bổn phận và trách-nhiệm của chúng ta khi ta mặc chiếc áo dài trắng này để không làm trái Thánh Ngôn của Đức Chí-Tôn.

Người Cao Đài mặc đạo phục màu trắng như nhắc nhở luôn giữ tâm hồn giản dị, khiêm tốn, giữ đạo đức cá nhân thanh cao trong sạch. Ngoài ra, mỗi tín đồ cũng luôn nhớ tư tưởng của nền Đạo: “một là tất cả, tất cả là một” (nhất bổn tán vạn thù, vạn thù qui nhất bổn).

Bộ đạo phục màu trắng như một bông sen trắng mà người Cao Đài cần gìn giữ trong cõi đời nhiều ô trược, như Thầy đã từng khen “ngoài trong sạch tợ bạch liên”. Đó cũng chính là Bộ Thiết Giáp mà Thầy cho chúng ta mặc.

“Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình. Chung quanh các con, dầu xa, dầu gần, Thầy đã thả một lũ hồ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con; song trước Thầy đã cho các con mặc một Bộ Thiết Giáp (đạo phục Áo Dài Trắng), chúng nó chẳng hề thấyặng là đạo đức của các con. Vậy ráng gìn-giữ Bộ Thiết-Giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy (TNHT).

Đức Chí-Tôn dạy rằng: “Giáo-lý của Thầy là Đại-Đồng”. Lấy sự thương yêu làm gốc và nếu không có sự thương yêu thì Đạo không thành. Đức Chí-Tôn dạy mọi người phải thương yêu nhau như ruột-thịt. Sự thương-yêu đó thể-hiện tình huynh-đệ đồng-đạo, ở tình nhơn-loại giữa con người với nhau. Tình yêu thương của Đức Chí Tôn dành cho chúng-sanh trong đó có loài người thật là vô-lượng, vô-biên, Đức Chí-Tôn đã xác-nhận điều này như sau:

" Thầy thường nói với các con rằng: Thầy là cha của sự thương yêu. Do bởi thương yêu, Thầy mới tạo thành càn-khôn thế-giới và sinh-dưỡng các con" (TNHT).

Đức Thượng Sanh Qui Thiên ngày 26 tháng 3 năm Tân-Hợi (1971) tại Sài gòn, hưởng thọ 71 tuổi. Hội-Thánh rước về Tòa-Thánh làm lễ Thánh Tang cho Ngài. Một đám tang lớn nhất trong nước, kể cả Đồi lãn Đạo. Nhất là toàn Đạo để tang Ngài như một “rừng tang” trắng xoá. Sự triều tiên của Đức Thượng Sanh đã gieo vào lòng Hội Thánh và toàn Đạo một nguồn bi thương dào dạt như muôn lượn sóng trùng dương.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn tại Cung Đạo Đền Thánh, Tòa Thánh Tây Ninh đêm mừng 6-5-Tân Hợi (dl 29-5-1971) dạy:

Các con,

Hôm nay vì có cuộc vui mừng nên Thầy đến khuyên các con nên để tâm lực vào sự xây dựng nền Đạo cho kịp thời kéo tội nghiệp cho nhơn sanh. Nay ba vị tướng soái lớn đã về thiêng liêng, đó cũng vì thiêng liêng định đặng thử coi các con có làm nên trò gì chẳng?

Thượng Sanh có sứ mạng về đề độ dẫn những “bậc thượng sanh tại thế”, rồi đây các con sẽ thấy nhiều trang trí thức đến với Đạo, vì chẳng lẽ ôm băng cấp trí thức để cho mai một hay sao?

Thầy ban ơn cho các con.

Thăng

Sau năm 1975, một số đông tín đồ Cao Đài vượt biển Thái Bình Dương định cư trên đất Mỹ, Canada, Australia, Âu Châu (và nhiều nơi khác), trong đó có không trên 100 Hiền Tài, Ban Thế Đạo.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã được thành lập qua ngày Đại Hội Hiền Tài Hải Ngoại được tổ chức ở thành phố San Jose, tiểu bang California, Hoa Kỳ, ngày 23 và 24-12-1995. Phiên họp thành công đó là nhờ sự giúp đỡ, cùng công lao của tất các vị Hiền Tài, các vị Chức việc các Cơ sở Đạo, cùng đồng Đạo các nơi tại hải ngoại. Con số Hiền Tài tham dự Đại Hội Ban Thế Đạo Hải Ngoại đạo đó không được nhiều lắm.

Đức Hộ Pháp nói “...đến Thái Bình Dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kia”. Đọc câu này chắc hẳn là đạo đó ai cũng tử hoi tại sao phải làm như vậy “buổi sau này kia”? và đạo đó cũng không ai để ý đến lời nói này hay chỉ hiểu “lờ mờ” đây là lời tiên tri của Đức Hộ Pháp về tương lai Đạo. Chử Thầy ở đây không thể nào hiểu hay nghĩ đơn giản được. Chử Thầy trong câu chuyện với ông Đinh Công Trứ là Đức Hộ Pháp; còn trong cả câu thì chử Thầy ở đây chính là Đức Đại Từ Phụ (Đức Chí Tôn) vậy.

Như đã trình bày trong các bài viết trước, Ban Thế Đạo được thành lập bởi Đức Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông. Hai Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp là Quyền Chí Tôn tại Thế, hay Quyền Chí Linh. Như vậy Ban Thế Đạo được gián tiếp thành lập bởi Đức Chí Tôn (Thầy).

Ở hải ngoại, Ban Thế Đạo Hải Ngoại là tổ chức duy nhất của Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh còn tồn tại tại hữu hình hiện nay, đang hoạt động, tiếp tục vai trò sứ mạng mà Đức Hộ Pháp & Đức Lý Giáo Tông đã ủy nhiệm khi thành lập Ban Thế Đạo năm 1965, mang cây Cờ Cứu Thế của Thượng Sanh tiếp tục phổ Đạo.

Ban Thế Đạo thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài và Đức Thượng Sanh là Chương Quản Chi Thế. Như đã trình bày, Thượng-Sanh có sứ mạng tạo Thế và chuyển Thế. Gần 45 năm qua, mặc dầu trong tình trạng khó khăn trăm bề, Ban Thế Đạo đã hết lòng, thành Tâm thi hành sứ mạng của Đức Thượng Sanh, vưng cao Cây Cờ Cứu Thế (ĐỒI) như Đức Hộ Pháp đã nói để tiếp tục phát triển và phổ độ nền Đại Đạo ở hải ngoại.

Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo bao gồm cả Thế Pháp và Bí Pháp, nắm Thế Luật nơi tay mà diu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Ban Thế Đạo thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài, dưới quyền Thượng Sanh, thi hành cả cả hai Thế Pháp và Bí Pháp (chi tiết ghi trong bài viết khác).

Về mặt Thẻ Pháp Thế Đạo, xin hiểu một cách đơn giản là các phẩm cấp hữu hình trong Ban Thế Đạo, được qui định trong Qui Điều Ban Thế Đạo gồm 4 phẩm: Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử, để chức sắc Ban Thế Đạo có cơ hội, theo trách nhiệm Đạo Đòi tương đắc phổ Đạo, lập công bồi đức để lập vị nơi hữu hình, và trên đường Thiên Đạo (Thiên Liêng Hằng Sống), con đường phân bổn hoàn nguyên “trở về”, nhập lại với Đại Linh Quang của Đức Chí Tôn ở vô vi và được Đức Ngài định vị nơi cõi vô vi (Bí Pháp).

Phần Đạo trong Thế Đạo thì phải hiểu là theo con đường tấn hóa, lập vị từ hữu hình đến vô vi. Con đường tu thân từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo mà Giáo Tông thay quyền cho Thầy dìu dắt các con cái Đức Chí Tôn trong Đường Đạo và Đường Đòi, tức là con Đường đi từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo (con đường Thiên Liêng Hằng Sống).

Trong phần Đạo này, chức sắc trong Ban Thế Đạo được Giáo Tông thay mặt Đức Chí Tôn hướng dẫn đường tu để “trở về”, con đường “Thiên Liêng Hằng Sống”, con đường dẫn đến Thiên Đạo tức là con đường qui hồi cựu vị. Đây là con đường tu thân, con đường “Đạo Đức” để cho cái “Tiêu Linh Quang” của nhân sanh “trở về” trong cái “Đại Linh Quang” của Đức Chí Tôn ở vô vi.

Thay Lời Kết:

Ban Thế Đạo chính là Thư Hùng Kiếm và Cờ Cừu Thế của Thượng Sanh xuất hiện, biến tướng để bảo hộ toàn con cái Đức Chí Tôn và hiệp cùng mặt Đòi dâng đem lại sự trật tự thái bình trong cảnh nghĩa nhân Đạo đức. Chúng ta vì cơ bảo sanh của tạo hóa, Hội Thánh từ chức sắc thiên phong đến chức việc, đạo hữu đều có phận sự bảo vệ cho cơ sanh hóa trong Đạo và ngoài Đòi (hiệp cùng Đòi xây cơ chuyển thế làm cho Đạo Đòi tương đắc giữa bạch nhựt thanh thiên).

Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo (Thẻ Pháp và Bí Pháp), nắm Thế Luật nơi tay mà dìu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Thượng Sanh là cây cờ của Thế, tức là Đòi, ấy vậy Đòi nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó. Như đã trình bày bên trên, Thượng Sanh lo về phần Đòi là người thay mặt Hộ Pháp chương quản chi Thế có nhiệm vụ kiểm soát nhân phẩm cung cách hành đạo của chức sắc, và dìu dắt, độ rỗi nhơn sanh vào Đạo.

Nếu kẻ vô lương bất đức còn tàn sát phá hoại cơ sanh hóa của Đức Chí Tôn thì Thượng Sanh có nghĩa vụ đưa cây Thư Hùng Kiếm và Cờ Cừu Thế cho quần chúng hiểu rõ nhiệm vụ của mình rồi sẽ thi hành phận sự bảo sanh và nghĩa hiệp một cách quang minh sáng suốt.

Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl. 29-01-1947) “lá cờ của Thượng Sanh (Cờ Cừu Thế) ra mặt với Đòi cùng cây Thư Hùng Kiếm của nó, y theo lời hứa của Đức Chí Tôn lập cho nước Việt Nam một nền Quốc Đạo, cơ quan cứu sanh cho vạn loại”. Vì do sở định thiên liêng và huyền diệu của Ngài nên người đời dễ chi

biết được.

Tin đồ Đạo Cao Đài phải hiểu cái mạnh của mình, mạnh vì lòng nhơn nghĩa và tánh nghĩa hiệp cứu Đòi. Vậy muốn dẹp được cái mạnh của “chiến tranh, chia rẽ” thì chúng ta chỉ dùng cái mạnh của nhơn nghĩa và tính nghĩa hiệp mà thôi. Ban Thế Đạo Hải Ngoại phải giữ gìn “thanh gươm nghĩa hiệp (Thư Hùng Kiếm), lá cờ nhơn nghĩa (Cờ Cứu Thế)” cho vững vàng. Được như thế thì quyền năng và tình yêu thương của Chí Tôn lúc nào cũng hiện hữu trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại. Như đã trình bày, Ban Thế Đạo được gián tiếp thành lập bởi Đức Chí Tôn.

Phần Đạo trong Ban Thế Đạo thì phải hiểu là theo con đường tấn hóa, lập vị từ hữu hình đến vô vi. Con đường tu thân từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo mà Giáo Tông thay quyền cho Thầy dìu dắt các con cái Đức Chí Tôn trong Đường Đạo và Đường Đòi, tức là con Đường đi từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo: thực hành Thế Pháp và Bí Pháp Thiên Đạo (Thiên Lương Hằng Sống).

Trong phần Đạo này, chức sắc trong Ban Thế Đạo được Giáo Tông thay mặt Đức Chí Tôn hướng dẫn đường tu để “trở về” con đường “Thiên Lương Hằng Sống”, con đường dẫn đến Thiên Đạo tức là con đường Phản Bôn Hoàn Nguyên, qui hồi cựu vị. Trong phần Đạo, còn có nghĩa là con đường tu thân, con đường “Đạo Đức” để cho cái “Tiểu Linh Quang” của nhân sanh “trở về” trong cái “Đại Linh Quang” của Thầy (Đức Chí Tôn).

Ghi chú:

Ông Đinh Công Trứ là Chủ trưởng của Minh Thiện Đoàn do Đức Lý Giáo Tông lập năm 1928 tại làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho; đến năm 1929, Đức Lý Giáo Tông bàn giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Hộ Pháp cai quản. Nơi đây có lập một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang và một Sở Thảo Đường, do lời dạy của Đức Phật Mẫu giáng cơ năm 1928 với bài thi “Thảo Đường”, chép ra như sau:

*Thảo Đường phước địa ngộ tông hoa
Lục ức dư niên võ trụ hòa.
Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
Thế đặng Bồng đảo định âu ca.*

Do đó Đức Hộ Pháp có dạy Ông Đinh Công Trứ lập bàn thờ Đức Phật Mẫu nơi Sở Thảo Đường. Sự thờ phượng Đức Phật Mẫu nơi đây còn rất đơn sơ. Thời gian kể từ năm 1941, giặc giã bắt đầu nổi lên và cường độ chiến tranh càng lúc càng lớn. Nơi làng Phú Mỹ không còn được an ninh như trước, nên từ năm 1943 đến năm 1945, Ông Đinh Công Trứ cùng với các bạn đạo trong Minh Thiện Đoàn, rời bỏ Phú Mỹ, tản cư về Tây Ninh, lập ra Trường Qui Thiện để làm cơ sở tiếp tục tu hành. Tại Trường Qui Thiện, Ông Đinh Công Trứ tạo lập một Đền Thờ Đức Phật Mẫu khang trang hơn nhiều so với lúc còn ở Phú Mỹ, gọi là Đền Thờ Phật Mẫu Qui Thiện.

Năm 1941-1946 là thời Pháp nạn. Ngày mùng 4-6 nhuận-Tân Tỵ (dl 27-7-1941), chánh quyền Pháp đã đưa Đức Hộ Pháp và 5 vị chức sắc lưu đày 5 năm ở hải đảo Madagascar bên Phi Châu.

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I & II, Ấn Bản Năm Nhâm Tý (1972).
2. Tân Luật (1972); Đạo Luật; Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
3. Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài (1932) và Vai Trò Của Hiệp Thiên Đài (2015)
4. Luật Pháp Cao Đài (2012)
5. Qui Điều và Nội Luật Ban Thế Đạo (1969)
6. Pháp Chánh Truyền và Tân Luật (1972)
7. Hiến Chương Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1965)
8. Tiểu sử và lời thuyết Đạo của Đức Thượng Sanh (1973)
9. Đạo và Đạo Tại Tâm – Hữu Hình và Vô Vi Huyền Diệu Hiện Tượng Hiệp Thiên Đài, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
10. Đạo Tâm - Tịch Đạo - Chơn Pháp Đạo Tâm, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
11. Đại Đạo Cao Đài và Nền Văn Minh Nhân Loại – Ban Thế Đạo Hải Ngoại Nhập Cuộc, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
12. Đạo Cao Đài và Nền Văn Minh Thế Giới – Ban Thế Đạo Hải Ngoại Nhập Cuộc, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2019).
13. Văn Hoá Thiên Đàng, Hòa Bình Thế Giới, Phục Hồi Ánh Sáng (HWPL) và Đại Đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh), Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
14. Ý Nghĩa Màu Trắng Và Áo Dài Trong Đạo Cao Đài, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2018).
15. Bạch Ngọc Kinh Nơi Đức Chí Tôn Ngự, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2018).
16. Huy-Hiệu Của Đức Hộ-Pháp Ngôi Sao Sáu Cánh và Quyền Hành Hộ Pháp, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2019).

Midland Michigan ngày 19 tháng 9 năm 2019

QS TS Nguyễn Thanh Bình

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Tòa Thánh Tây Ninh